

BÁO CÁO

Thực trạng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Khái quát kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2016-2020

Vĩnh Phúc là tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, chủng loại sản phẩm nông nghiệp khá đa dạng như: rau, củ, quả các loại; lợn thịt; gà thịt; trứng gia cầm; sữa bò; thủy sản... Trong những năm qua sản xuất nông nghiệp được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nên liên tục tăng trưởng và đạt được nhiều kết quả. Giai đoạn 2016-2019, giá trị tăng thêm GRDP bình quân toàn ngành (giá SS 2010) tăng 1,6%/năm, UTH giai đoạn 2016-2020 tăng 1,86%/năm; cơ cấu GTSX trong nội bộ ngành nông nghiệp tiếp tục có sự chuyển dịch đúng hướng.

Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ trọng thấp, năm 2019 đạt 5,44% nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 56 ngàn ha đất sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp và 33.022 ha đất lâm nghiệp, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản có khoảng trên 6,6 ngàn ha. Sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 36,5 vạn tấn, trong đó lúa đạt 31,3 vạn tấn; sản phẩm chăn nuôi sản xuất ra đạt 117 ngàn tấn (thịt lợn, trâu, bò, gia cầm); gần 30 triệu lít sữa tươi, hơn 520 triệu quả trứng gia cầm, trên 22 ngàn tấn thủy sản và trên 41 ngàn m³ gỗ, 52,5 ngàn ste củi các loại. Sản xuất nông nghiệp đã đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm đủ cho tiêu dùng trong tỉnh và cung cấp cho một số tỉnh, thành trong cả nước.

Sản xuất trồng trọt của tỉnh những năm qua đã chuyển dịch mạnh cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện các vùng sinh thái và địa phương trong tỉnh. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm qua các năm, bình quân mỗi năm giảm 2,57%; nguyên nhân do một phần diện tích đất chuyển sang xây dựng khu công nghiệp, hạ tầng giao thông, dịch vụ... Tuy diện tích giảm, nhưng năng suất hầu hết các loại cây trồng đều tăng do áp dụng các tiến bộ mới về giống, kỹ thuật canh tác... (lúa tăng 1,07%/năm; ngô tăng 1,92%/năm; rau các loại tăng 2,05%/năm...). Nhiều giống lúa mới có năng suất, chất lượng được đưa vào sản xuất (RVT, TBR225, BC15, Thiên ưu 8...), tỷ lệ giống lúa chất lượng đến nay đạt trên 70% (tăng 38,5% so

với năm 2015), UTH hết năm 2020 đạt trên 75% tổng diện tích gieo trồng lúa trên toàn tỉnh. Cơ giới hóa trong khâu làm đất chiếm 95% tổng diện tích, thu hoạch lúa bằng máy đạt trên 70%. UTH giai đoạn 2016-2020 chuyển đổi được trên 7.500 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại rau, củ, quả cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất canh tác đạt trên 143 triệu đồng/ha, tăng 5,9% so với năm 2015; thu nhập đạt khoảng 60 triệu đồng/ha đất canh tác, tăng 7,1% so với năm 2015; UTH đến năm 2020, giá trị sản xuất đạt 145 triệu đồng/ha, thu nhập đạt 65 triệu đồng/ha.

Hình thành một số vùng sản xuất rau, quả an toàn thực phẩm theo quy trình VietGAP và các HTX liên kết chuỗi với Công ty Vineco Tam Đảo. Các cây trồng có giá trị kinh tế cao (Bí đỏ, bí xanh, cà chua, su su, dưa các loại) được phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; một số sản phẩm có thương hiệu và có sản phẩm xuất khẩu (Thanh long ruột đỏ Lập Thạch, ớt quả, chuỗi tiêu hồng).

Sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng; chăn nuôi lợn, bò sữa và gia cầm đã trở thành thế mạnh của tỉnh, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi được áp dụng rộng rãi, nhiều giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng tốt được đưa vào sản xuất. Cơ giới hóa trong chăn nuôi được áp dụng rộng rãi (100% số hộ nuôi bò sữa đã sử dụng máy vắt sữa, thái cỏ đảm bảo ATTP đối với sản phẩm sữa bò).

Hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung lớn về chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm chuyên trứng, chuyên thịt, chăn nuôi bò sữa; nhiều trang trại áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi và liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; trên địa bàn tỉnh đã có 01 cơ sở giết mổ gia súc quy mô công nghiệp, công suất 20 tấn/ngày đêm đi vào hoạt động ổn định, góp phần vào phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, bảo vệ môi trường, tạo ra sản phẩm đảm bảo ATTP cung cấp cho thị trường và tạo điều kiện cho việc xây dựng các liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được tổ chức thực hiện thường xuyên; xử lý chất thải chăn nuôi được quan tâm, chú trọng và khuyến khích các hộ chăn nuôi thực hiện.

Sản xuất thủy sản tiếp tục phát triển, từng bước đa dạng hóa về chủng loại nuôi trồng; diện tích nuôi thâm canh được mở rộng. Đã xuất hiện nhiều điển hình nuôi cá có hiệu quả cho lợi nhuận trên 100 triệu đồng/ha, gấp 2-3 lần so với mô hình nuôi cá truyền thống theo phương thức quảng canh cải tiến. Giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản năm 2018 đạt 153 triệu đồng/ha, tăng 0,14% so với năm 2015; UTH đến năm 2020, giá trị đạt 155 triệu đồng/ha.

Diện tích nuôi trồng thủy sản ổn định trên 6.600 ha. Sản lượng thủy sản tăng bình quân 3,84%/năm. Sản lượng cá giống bình quân đạt 2,69 tỷ con các loại/năm, tăng bình quân 1,31%/năm, nhiều tiến bộ KHKT và công nghệ tiên tiến được đưa vào sản xuất, đưa nhanh các loại cá giống mới vào nuôi như cá rô phi đơn tính, cá chép lai, cá Chim trắng... đạt năng suất, chất lượng cao.

- *Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông, lâm, thủy sản* được triển khai tích cực; các mô hình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)

ngày càng nhiều, từ năm 2015 đến nay đã có 173 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, HACCP, ISO 22000:2005; đã hình thành 15 mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn; 100% xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đã thực hiện ký cam kết sản xuất đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; công tác triển khai giám sát ATTP, thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về VTNN và ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản được tăng cường. Do vậy ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, số lượng các cơ sở, trang trại sản xuất nông sản an toàn ngày càng tăng; các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn tiếp tục được xây dựng, phát triển nhân rộng, góp phần cung ứng ngày càng nhiều nông sản an toàn phục vụ nhu cầu của nhân dân.

- Các HTX Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã thực hiện chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012; tổ chức, đánh giá, xếp loại 229 HTX Nông nghiệp theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT (trong đó có 180 HTX đã thực hiện chuyển đổi theo Luật HTX 2012, 49 HTX ngừng hoạt động); tư vấn, hỗ trợ thành lập mới UTH được 90 HTX nông nghiệp; ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Đề án phát triển 15.000 HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020. Kinh tế hợp tác phát triển về cả loại hình HTX và THT, đến nay doanh thu bình quân hàng năm 982,6 trđ/HTX; lợi nhuận bình quân hàng năm 73 trđ/HTX. Các loại hình THT, HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, góp phần tạo việc làm cho người lao động và giúp nông dân làm một số khâu dịch vụ chính, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương.

2. Kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020

Thực hiện chủ trương về phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, bền vững, gắn sản xuất với tiêu thụ, trong giai đoạn từ 2015 đến nay HĐND và UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Nghị quyết số 201/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND, ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Quy định hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản và hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND, ngày 04/02/2016 về Quy định thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 theo NQ 201; Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 03/5/2019 về chính sách hỗ trợ giống lúa chất lượng cho người trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh... Các chính sách hỗ trợ đã được triển khai tích cực, hiệu quả. Kết quả cụ thể như sau:

2.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 201/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015, Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 09/7/2018 và Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 03/5/2019 của HĐND tỉnh

2.1.1. Chính sách đất đai

a) Hỗ trợ rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sản xuất nông nghiệp: Đã thực hiện ở những xã thực hiện dồn thửa, đổi ruộng (DTĐR) báo cáo ở mục b); các xã khác trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện được do chưa thực hiện DTĐR.

b) Công tác dồn thửa đổi ruộng: Đã hoàn thành thí điểm DTĐR tại 02 xã Ngũ Kiên và Cao Đại, giao đến các hộ 4.141 thửa, giảm 11.893 thửa so với trước khi DTĐR (giảm 74% tổng số thửa); mỗi hộ còn 1,7 thửa, giảm 4,7 thửa so với trước khi thực hiện; tạo động lực mới cho hộ nông dân về sử dụng ruộng đất, lao động, đầu tư, tư duy phát triển kinh tế hộ và thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa sản xuất.

- Đối với các xã đăng ký thêm thực hiện DTĐR:

+ Năm 2017, trên địa bàn huyện Vĩnh Tường có thêm 03 xã đăng ký thực hiện và đã hoàn thành công tác DTĐR tại 3 thôn là Thôn táo, xã Tuân Chính; thôn Yên Nhiên, xã Vũ Di; thôn Đan Thượng, xã Phú Thịnh với tổng diện tích đất nông nghiệp là 124,6 ha. Sau DTĐR còn 1.310 thửa, giảm 5.120 thửa; bình quân mỗi hộ còn 1,59 thửa, giảm 5,93 thửa so với trước khi DTĐR.

+ Năm 2018, huyện tiếp tục triển khai tại 05 xã gồm: Phú Đa, Tuân Chính, Vĩnh Ninh, Phú Thịnh, Lý Nhân; đến nay, các xã Tuân Chính, Phú Thịnh đã thực hiện DTĐR xong; 03 xã: Phú Đa, Lý Nhân, Vĩnh Ninh đã tổ chức giao ruộng cho nhân dân sản xuất vụ Mùa năm 2019 theo kế hoạch. Việc đầu tư thiết kế lại đồng ruộng, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi đã tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp.

Khó khăn, vướng mắc: Thực hiện thí điểm DTĐR đã đạt được một số kết quả, tuy nhiên trong tổ chức thực hiện còn nhiều lúng túng, tiến độ thực hiện chưa có sự cân đối về thời gian.

Ngày 09/7/2018, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND để tạo điều kiện thuận lợi cho việc DTĐR và di chuyển mô mã.

c) Thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang trồng rau, quả, trồng cây thức ăn gia súc và đất nông nghiệp khác ở những xã đã rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp để phát triển chăn nuôi bò, lợn, chuyên canh rau, quả: Chưa thực hiện được; nguyên nhân: Do ruộng đất còn manh mún, nhỏ lẻ, thực hiện dồn thửa đổi ruộng được ít.

d) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân (không phải là doanh nghiệp) thuê quyền sử dụng đất quy mô từ 2 ha trở lên đối với miền núi, 3 ha trở lên đối với vùng còn lại để sản xuất trồng trọt quy mô lớn: Chưa thực hiện được; nguyên nhân: Do chính sách chưa phù hợp, thủ tục còn rườm rà, 1ha có từ 30-40 hộ nên việc thu gom đất sản xuất rất khó khăn.

2.1.2. Chính sách đầu tư, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thủy sản

- *Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn theo chuỗi*: Chưa thực hiện được; nguyên nhân: Do đối tượng thực hiện không phải là doanh nghiệp hoặc liên doanh, liên kết sản xuất với doanh nghiệp, do vậy Người sản xuất rất khó thu gom, thuê được ruộng trồng rau, quả tập trung từ 10ha trở lên (là diện tích quá lớn); mặt khác phải lập Dự án, thủ tục quy trình phức tạp do phải thực hiện theo Luật Đầu tư công nên chưa có Người sản xuất tham gia đăng ký.

- *Chuyển giao ứng dụng Khoa học công nghệ*:

+ Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đối với người sản xuất chăn nuôi lợn quy mô thường xuyên từ 1000 con trở lên: Chưa triển khai thực hiện được; nguyên nhân: Do quy mô chăn nuôi lớn, không có hộ đăng ký thực hiện, mặt khác đây là nội dung phải lập dự án, thủ tục, quy trình theo Luật Đầu tư công do đó từ năm 2016 đến nay chưa thực hiện được.

+ Hỗ trợ 20% kinh phí xây bể sục khí, ao chứa chất lỏng và men ủ chất thải rắn cho hộ nuôi lợn: Hỗ trợ được 139 công trình; các công trình xử lý chất thải chăn nuôi góp phần tích cực để xử lý chất thải chăn nuôi cho các trang trại chăn nuôi có lượng chất thải lớn; cung cấp phân bón cho cây trồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn; đồng thời góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường thông qua việc giảm mức độ ô nhiễm nước thải chăn nuôi.

Khó khăn, vướng mắc: Đối với các công trình xử lý chất thải chăn nuôi (nhất là hầm Biogas) khi các hộ chăn nuôi tăng quy mô đàn vượt khả năng xử lý vẫn gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất rau quả hàng hóa an toàn theo VietGAP: Hỗ trợ được 8.184,2 ha, rau quả các loại (Bí đỏ, khoai tây, dưa chuột, ớt, cà chua, rau ăn lá). Rau quả được xác định là cây chủ lực, tạo ngành hàng sản xuất hàng hóa quy mô tập trung, đảm bảo an toàn thực phẩm; việc hỗ trợ theo VietGAP giúp người sản xuất mở rộng diện tích trồng rau, quả an toàn, tăng sản phẩm, đảm bảo VSATTP, nâng cao thu nhập trên diện tích canh tác; sau khi trừ chi phí, các loại cây trồng cho lãi: Cây bí đỏ đạt 34,7 triệu đồng/ha, cây dưa chuột từ 49,3 - 79,7 triệu đồng/ha, cây ớt từ 164,6 - 238 triệu đồng/ha, cây cà chua đạt 259 triệu đồng/ha và cây khoai tây đạt 76 triệu đồng/ha. Việc hỗ trợ sản xuất theo VietGAP đã giúp người sản xuất mở rộng diện tích trồng rau, quả an toàn, tăng sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- *Hỗ trợ giống vật nuôi, cây trồng, thủy sản*:

+ Hỗ trợ mua mới bò sữa ngoại tỉnh: Chưa thực hiện được; nguyên nhân: Do các hộ dân chủ yếu mua bán, luân chuyển bò sữa trong nội tỉnh. Một số hộ chăn nuôi mua bò sữa ngoại tỉnh nhưng thiếu giấy chứng nhận kiểm dịch nên không đủ căn cứ nghiệm thu hỗ trợ (nguyên nhân do các hộ mua bò sữa nhỏ lẻ ngoại tỉnh, số lượng mua mỗi lần ít từ 1-2 con, trong khi đó để được hỗ trợ cần có chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y, người chăn nuôi ngại hoàn thiện thủ tục để được chứng nhận kiểm dịch do vậy không mặn mà đề nghị hỗ trợ).

+ Hỗ trợ bình tuyển đàn bò cái nèn, bò đực giống, lợn đực giống: Hỗ trợ bình tuyển bò cái nèn 25.737 con; bò đực giống 1.225 con; lợn đực giống 3.213 con. Bình tuyển, thay thế lợn đực giống, bò đực giống đã loại bỏ được những con không đủ tiêu chuẩn giống.

+ Hỗ trợ lợn nái ngoại hậu bị cấp bố mẹ: Hỗ trợ mua mới, thay thế lợn nái ngoại hậu bị cấp bố mẹ được 4.885 con; việc hỗ trợ lợn nái ngoại hậu bị sinh sản cấp bố mẹ đã giúp cho các hộ chăn nuôi nhận thức, lựa chọn đúng phẩm cấp giống, đây là yếu tố quyết định tạo nên tăng trưởng về năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi.

+ Hỗ trợ chi phí mua giống lúa chất lượng: Hỗ trợ 4.699,5 tấn giống lúa chất lượng trên tổng diện tích gieo trồng 93.989,7 ha cho người sản xuất. Các giống lúa hỗ trợ cho năng suất cao, chất lượng tốt và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, cơ cấu thời vụ của tỉnh; năng suất bình quân đạt từ 63 - 67 tạ/ha, cao hơn so với giống KD18 từ 5 - 9 tạ/ha/vụ, giá bán bình quân cao hơn từ 1-2 nghìn đồng/kg, thu nhập cao hơn từ 5-12 triệu đồng/ha/vụ; việc đưa các giống lúa chất lượng vào sản xuất đã góp phần thay đổi nhận thức của người nông dân trong việc áp dụng giống lúa mới vào sản xuất đại trà, thay thế dần các giống lúa thuần cũ kém chất lượng; hình thành nhiều vùng sản xuất lúa gạo hàng hóa, hạn chế tình trạng bỏ ruộng hoang, nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trên đơn vị diện tích.

Khó khăn, vướng mắc: Việc thực hiện chính sách theo Nghị quyết 201 chỉ triển khai trong 3 năm, chưa có cơ sở pháp lý để tiếp tục triển khai thực hiện.

Năm 2019, Sở Nông nghiệp & PTNT tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 03/5/2019 về chính sách hỗ trợ giống lúa chất lượng cho người trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và tiếp tục triển khai hỗ trợ giống lúa chất lượng từ vụ Mùa năm 2019.

+ Hỗ trợ ngô biến đổi gen: Hỗ trợ được 268,7 tấn giống ngô biến đổi gen trên tổng diện tích 13.434,7 ha với 100.755 lượt hộ tham gia. Sử dụng giống ngô biến đổi gen đem lại hiệu quả 13,0 triệu đồng/ha, cao hơn giống ngô thường 4,3 triệu đồng/ha trong cùng điều kiện canh tác, do các giống ngô mang gen kháng sâu đục thân và thuốc trừ cỏ nên đã giảm đáng kể công lao động, tiết kiệm được chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả cho người sản xuất ngô trên địa bàn tỉnh.

Khó khăn, vướng mắc: Sản xuất ngô tập trung chính ở vụ Đông, thu nhập từ trồng ngô thấp hơn so với các loại cây rau màu khác nên diện tích trồng ngô có xu hướng giảm.

UBND tỉnh đã có Văn bản số 5903/UBND-NN2 ngày 08/8/2018 về việc dừng không cấp kinh phí để thực hiện nội dung hỗ trợ sản xuất ngô biến đổi gen vụ Thu - Đông năm 2018. Năm 2019, 2020 không thực hiện.

+ Hỗ trợ chi phí mua cá giống mới: Hỗ trợ trên 12 triệu con cá rô phi đơn tính, khoảng 2 triệu con cá chép lai 2, 3 máu và 76,2 ngàn con cá mè trắng cho khoảng 638 hộ nuôi trồng thủy sản, trên diện tích 728 ha. Việc hỗ trợ chi phí mua cá giống mới đã giúp người dân chủ động con giống, tăng cường kiến thức, kinh nghiệm về kỹ thuật nuôi, mạnh dạn đầu tư vào nuôi trồng thủy sản theo hướng

thâm canh; nhiều hộ sản xuất 2 vụ/năm, giúp tăng năng suất, hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích; năng suất nuôi trồng thủy sản từ 2,6 tấn/ha lên 3,1 tấn/ha; sản lượng nuôi trồng thủy sản của tỉnh tăng lên rõ rệt, tăng từ 17.800 tấn năm 2015 lên 20.036 tấn năm 2019, tăng 12,6%.

- *Hỗ trợ xây dựng hạ tầng các khu chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò sữa, nuôi trồng thủy sản tập trung ngoài khu dân cư:*

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các khu chăn nuôi lợn, bò sữa tập trung ngoài khu dân cư: Thực hiện 01 dự án chăn nuôi lợn tập trung tại xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương.

Khó khăn, vướng mắc: Phải lập dự án theo Luật Đầu tư công, địa điểm thực hiện dự án phải trong quy hoạch, phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất; tổng mức đầu tư của 1 dự án lớn, người dân khó khăn trong việc đóng góp vốn đối ứng (30%) để thực hiện đầu tư.

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng dự án đầu tư cơ sở sản xuất cá giống quy mô 100 triệu cá bột/năm trở lên, dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản liên vùng tập trung quy mô từ 5 ha trở lên: Chưa thực hiện được; nguyên nhân: Do địa điểm thực hiện dự án phải trong quy hoạch, phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất; tổng mức đầu tư của 1 dự án lớn, người dân khó khăn trong việc đóng góp vốn đối ứng (50%) để thực hiện đầu tư.

- *Hỗ trợ mua máy nông nghiệp, thủy sản:* UTH giai đoạn 2016-2020 hỗ trợ được 3.275 máy cho các hộ sản xuất nông nghiệp, thủy sản (2.750 máy nông nghiệp và 525 máy sục khí tạo oxy). Việc hỗ trợ máy nông nghiệp, thủy sản đã góp phần đưa cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản như làm đất bằng máy chiếm trên 95%, thu hoạch bằng máy đạt trên 70% tổng diện tích trồng lúa; giúp giảm chi phí nhân công, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm; 100% số hộ nuôi bò sữa đã sử dụng máy vắt sữa, thái cỏ, góp phần quan trọng tăng năng suất, giảm giá thành và đảm bảo ATTP đối với sản phẩm sữa bò; hỗ trợ máy sục khí tạo oxy giúp môi trường ao nuôi được duy trì ổn định, xử lý biến động môi trường ao nuôi khi thời tiết thay đổi, tạo được điều kiện sinh trưởng và phát triển tốt cho cá, nâng cao năng suất và sản lượng thu hoạch.

- *Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thí điểm bảo hiểm nông nghiệp:*

+ Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm: Trong giai đoạn 2016-2019 đã thực hiện tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng (LMLM) được 604.159 lượt con; vắc xin Tụ huyết trùng được 343.034 lượt con; tiêm vắc xin cho đàn lợn nái, đực giống: LMLM được 531.261 lượt con, Dịch tả lợn được 307.157 lượt con, Tai xanh được 513.537 lượt con; tiêm vắc xin Cúm gia cầm được 20.058.101 lượt con. Phun khử trùng tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi được 627.120 lượt hộ chăn nuôi. Tổ chức 80 lớp tập huấn về công tác thú y, kỹ thuật tiêm phòng, phun khử trùng tiêu độc cho lực lượng thú y từ tỉnh đến cơ sở và lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; tổ chức lấy 480 mẫu gộp (2.400 mẫu đơn) để giám sát dịch bệnh tại các chợ buôn bán gia cầm sống trên địa bàn tỉnh để giám sát chủ động vi rút Cúm gia cầm.

Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm giúp nâng cao nhận thức của người chăn nuôi, thay đổi từ việc phòng bệnh thụ động chuyển sang phòng bệnh chủ động; giúp sản xuất chăn nuôi phát triển ổn định, tạo điều kiện cho các hộ chăn nuôi yên tâm đầu tư phát triển sản xuất; đồng thời tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

+ Thí điểm bảo hiểm bò sữa: Chưa thực hiện được, do năm 2016, 2017 không có Công ty Bảo hiểm đăng ký thực hiện và UBND tỉnh có Văn bản số 6160/UBND-NN3 ngày 11/8/2017 về việc tạm dừng thực hiện hỗ trợ bảo hiểm và mua mới bò sữa năm 2017.

Thực hiện Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp và Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp. Trong năm 2019, Sở Nông nghiệp & PTNT đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố lựa chọn địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trâu, bò; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 về công bố địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm đối với trâu, bò. Sở Nông nghiệp & PTNT đang phối hợp cùng sở Tài chính và UBND các huyện, thành phố triển khai các bước tiếp theo để thực hiện.

2.2. Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND

2.2.1. Hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản

Giai đoạn 2016-2020, tổ chức được 03 lớp tập huấn đào tạo chuyên gia kỹ thuật về đánh giá chất lượng nông sản, thực phẩm theo VietGAP; hỗ trợ chứng nhận áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) đối với 149 cơ sở sản xuất rau, quả, nuôi trồng thủy sản, cơ sở chăn nuôi lợn và chăn nuôi bò sữa. Việc áp dụng quy trình VietGAP trong nông nghiệp, thủy sản đã đem lại hiệu quả tích cực cho sản xuất nông nghiệp, tạo ra sản phẩm nông sản an toàn, chất lượng ổn định, được kiểm soát trong suốt quá trình sản xuất, tiêu thụ từ đó tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Hình thành nhiều vùng sản xuất nông sản an toàn, cung ứng ra thị trường khối lượng nông sản lớn, từng bước đáp ứng nhu cầu về thực phẩm an toàn; tạo điều kiện cần thiết để xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông sản của Vĩnh Phúc.

2.2.2. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ

- *Đào tạo kỹ thuật viên thụ tinh nhân tạo bò*: Từ năm 2016-2019 tổ chức 03 khóa đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò cho 60 học viên; UTH năm 2020 tổ chức 01 lớp đào tạo cho 20 học viên. Việc hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên thụ tinh nhân tạo bò; đẩy nhanh việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới về giống bò sữa, bò thịt vào trong sản xuất.

- *Hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học (Biogas) để xử lý chất thải chăn nuôi*: Từ năm 2016 đến hết năm 2019 hỗ trợ xây dựng 8.192 hầm Biogas; UTH năm 2020 thực hiện hỗ trợ 2.900 hầm biogas cho các hộ chăn nuôi trâu, bò, lợn. Các công trình xử lý chất thải chăn nuôi góp phần quan trọng giải quyết vấn đề ô

niêm môi trường trong chăn nuôi. Sản phẩm của các công trình xử lý chất thải chăn nuôi cung cấp thêm nguồn chất đốt, giúp giảm chi phí trong sinh hoạt và sản xuất, cung cấp phân bón cho cây trồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn; đồng thời góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường thông qua việc giảm mức độ ô nhiễm nước thải chăn nuôi.

- *Hỗ trợ làm đê mốt lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi gà:* Từ năm 2016 đến hết năm 2019 hỗ trợ làm đê mốt lót sinh học cho 4.908 hộ; UTH năm 2020 hỗ trợ thực hiện 1.050 hộ làm đê mốt lót sinh học chăn nuôi gà. Đê mốt lót sinh học chăn nuôi gà giúp xử lý tốt môi trường chăn nuôi thông qua việc giảm mùi hôi, thối; các hộ chăn nuôi dễ áp dụng thực hiện và hiệu quả thiết thực.

- *Hỗ trợ thay thế lợn đực giống, bò đực giống:* Hỗ trợ mua thay thế lợn đực giống 101 con, thay thế bò đực giống 52 con. Hỗ trợ mua thay thế lợn đực giống, bò đực giống giúp bổ sung thay thế lợn đực giống, bò đực giống có nguồn gốc, chất lượng tại các xã có điều kiện khó khăn, chưa áp dụng phổ biến thụ tinh nhân tạo để tạo ra nhiều con giống lai cho năng suất cao.

- *Hỗ trợ tinh lợn ngoại:* Từ năm 2016 đến hết năm 2019, tổng số liều tinh lợn sản xuất là 435.582 liều, số liều tinh cấp phát hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh là 377.888 liều. Đàn lợn đực được nhập về nuôi và sản xuất liều tinh dịch lợn ngoại là các giống lợn có năng suất, chất lượng cao được các Công ty lớn trong và ngoài nước chọn tạo, từ đó đã nâng cao được năng suất, chất lượng đàn lợn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu về chất lượng thịt của thị trường và người tiêu dùng. Thông qua việc hỗ trợ liều tinh lợn ngoại để thụ tinh nhân tạo cho đàn lợn nái của tỉnh đã tăng nhanh tỷ lệ đàn lợn lai, tạo ra đàn lợn lai nhiều máu ngoại, giúp tiết kiệm chi phí chăn nuôi lợn đực giống để phối giống trực tiếp, góp phần giảm giá thành sản xuất, tăng chất lượng đàn lợn thương phẩm, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của gia súc trên địa bàn.

- *Hỗ trợ phát triển thụ tinh nhân tạo bò thịt, bò sữa chất lượng cao:* Từ năm 2016 đến năm 2019 đã nhập và cấp phát tinh bò cho các huyện, thành phố được 116.895 liều (70.750 liều tinh bò thịt, 44.131 liều tinh bò sữa HF không phân biệt giới tính, 2.014 liều tinh bò sữa phân biệt giới tính), cùng các vật tư khác như: Nitơ lỏng bảo quản tinh bò, găng tay nilon, ống gen nhựa đảm bảo phục vụ công tác phối giống cho đàn bò của tỉnh; UTH cả giai đoạn 2016-2020 hỗ trợ được 159.795 liều tinh. Công tác lai tạo giống bò thịt, bò sữa chất lượng cao bằng tinh phân ly giới tính giúp giảm chi phí phối giống, tăng tỷ lệ bò cái, tăng năng suất, chất lượng do phát huy ưu thế lai của các con đực, tăng trọng lượng bò thịt khi xuất chuồng, tăng năng suất và chất lượng sữa, tăng thu nhập người chăn nuôi bò thịt, bò sữa trên địa bàn tỉnh.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên một số nội dung chưa thực sự làm chuyển dịch rõ nét sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều.

- Nông sản có thương hiệu trên thị trường còn ít, chưa có nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, chất lượng sản phẩm chưa đồng đều nên năng lực cạnh tranh chưa cao.

- Công tác dồn thửa đổi ruộng, tích tụ ruộng đất còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng sản xuất nông nghiệp còn khó khăn như: Đáp ứng các điều kiện về đất đai, kinh phí đối ứng...

- Kinh tế HTX, trang trại đã có những mô hình mang lại hiệu quả nhưng việc mở rộng các mô hình còn hạn chế, một số HTX hoạt động chưa hiệu quả. Mặc dù tỉnh đã có chính sách thu hút đầu tư nhưng số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm nghiệp, thủy sản còn ít.

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các cơ chế hỗ trợ của một số địa phương còn hạn chế.

- Nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của sản xuất hàng hóa đối với phát triển kinh tế của các cấp chính quyền địa phương còn hạn chế.

3.2.2. Nguyên nhân khách quan

- Biến đổi khí hậu cực đoan, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi còn tiềm ẩn và có diễn biến phức tạp trên cả nước; sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất đặc thù có tính rủi ro cao, hiệu quả sản xuất và lợi nhuận thấp, do đó doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này bị hạn chế.

- Tập quán sản xuất, ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ, người dân có tâm lý giữ đất.

- Một số chính sách nhà nước ban hành còn bất cập, khó tiếp cận, nhất là chính sách về đất đai, vốn, xúc tiến thương mại...

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Qua rà soát các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đang thực hiện trên địa bàn tỉnh như: Nghị quyết số 201/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015; Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh...; các chính sách thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, sau năm 2020 hết hiệu lực. Mặt khác, trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở Vĩnh Phúc diễn ra rất nhanh, cơ cấu kinh tế có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp, tỷ trọng nông nghiệp năm 2019 chỉ chiếm 7,37% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nêu trên và đề xuất những cơ chế, chính sách mới hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới, cần thiết phải xây dựng ***Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 – 2025*** để thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập và phúc lợi người dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Việc xây dựng chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 là giải pháp quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở thực hiện cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, xóa đói giảm nghèo; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

3. Để khuyến khích, thu hút mạnh mẽ, đồng đảo các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, HĐND tỉnh, UBND tỉnh cần ban hành chính sách cụ thể để hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; kịp thời tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc và hạn chế. Các chính sách như sau:

(1). Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và cây hàng năm thành vùng tập trung, quy mô lớn.

(2). Hỗ trợ chi phí mua giống lúa chất lượng.

(3). Hỗ trợ mua giống thủy sản chủ lực, giống thủy sản có hiệu quả kinh tế.

(4). Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

(5). Hỗ trợ sản xuất rau quả hàng hóa an toàn theo VietGAP.

(6). Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh quy định cụ thể thực hiện chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn tỉnh; phê duyệt danh mục dự án và các nội dung khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện; phân cấp thẩm quyền phê duyệt các nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; hàng năm cân đối bố trí Ngân sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý chủ trương để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

2. Đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo đánh giá thực trạng và đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NN2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khước